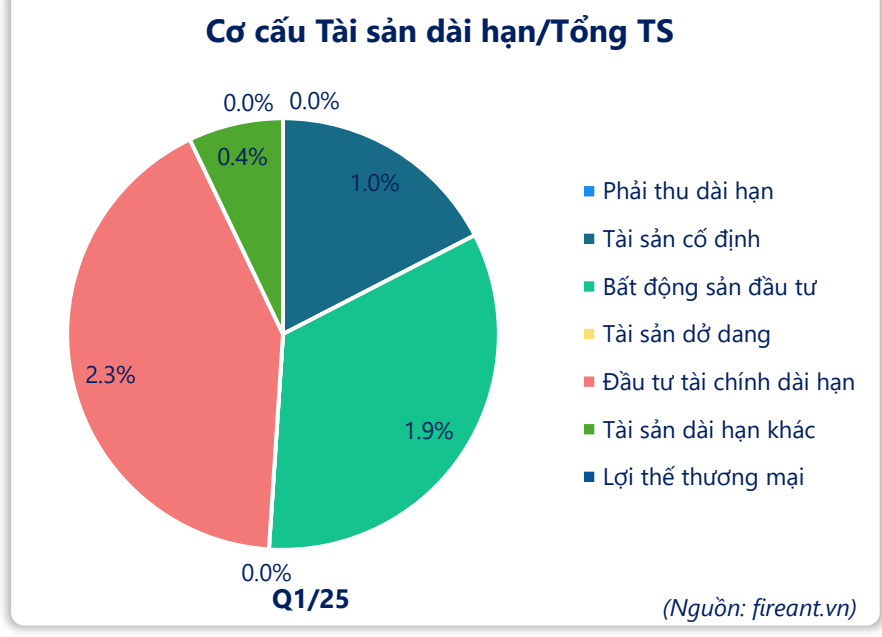
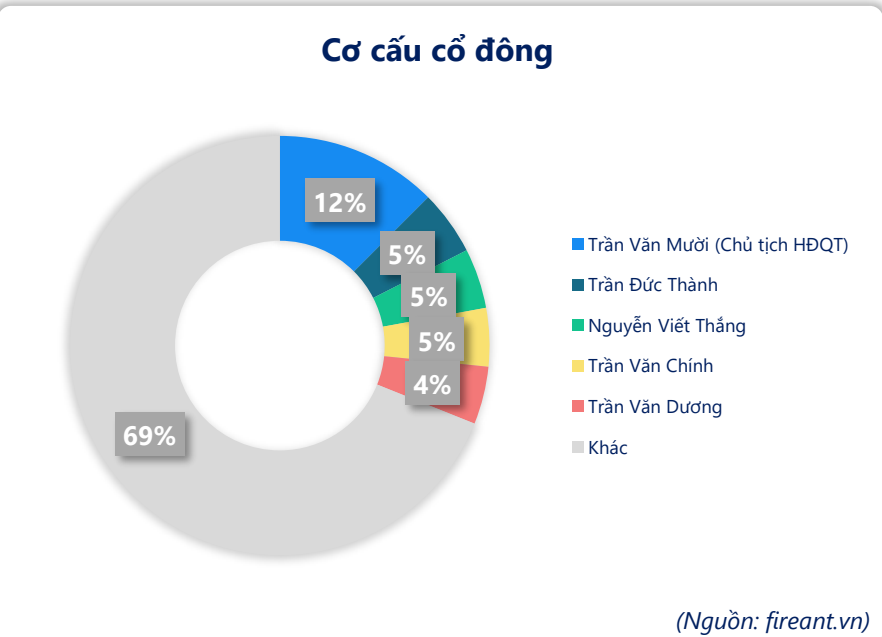
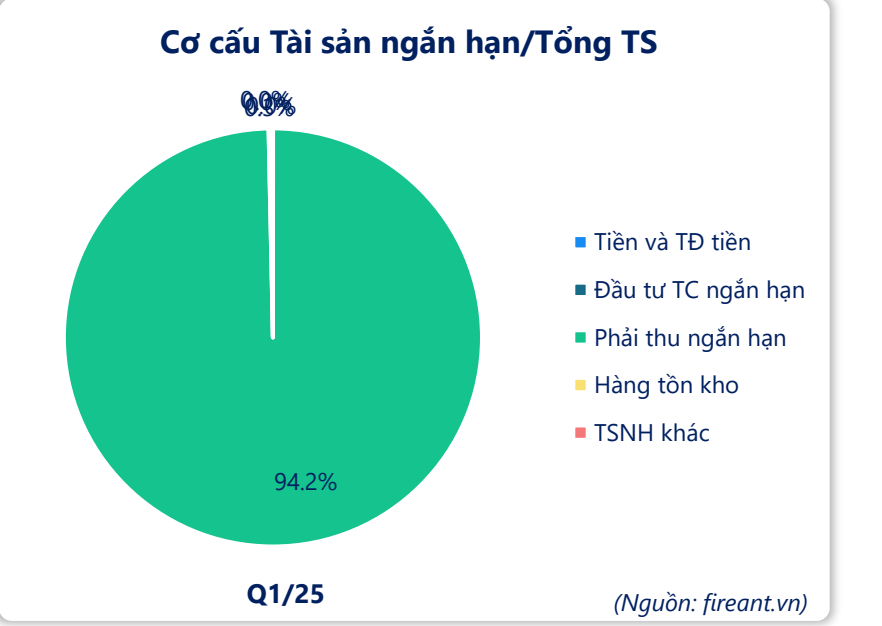
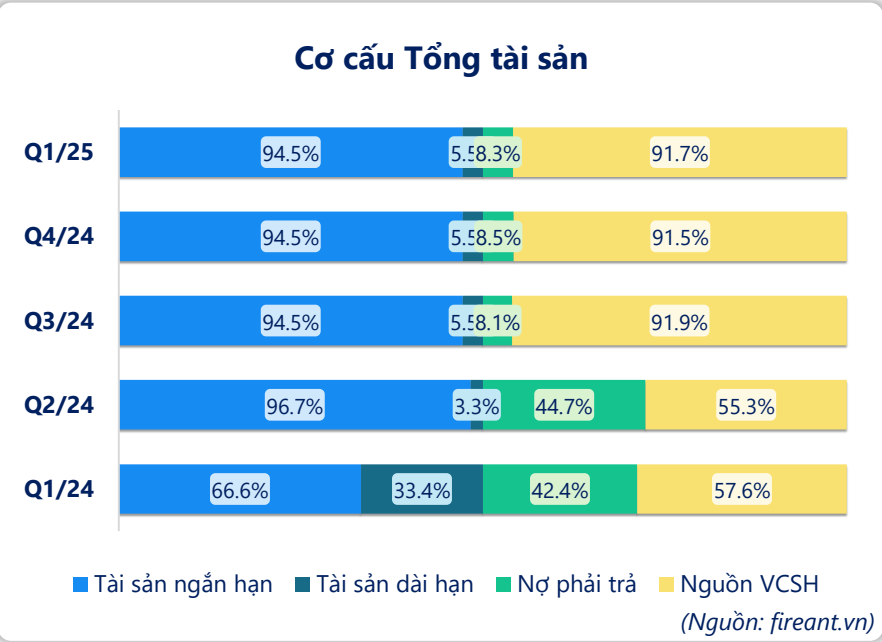
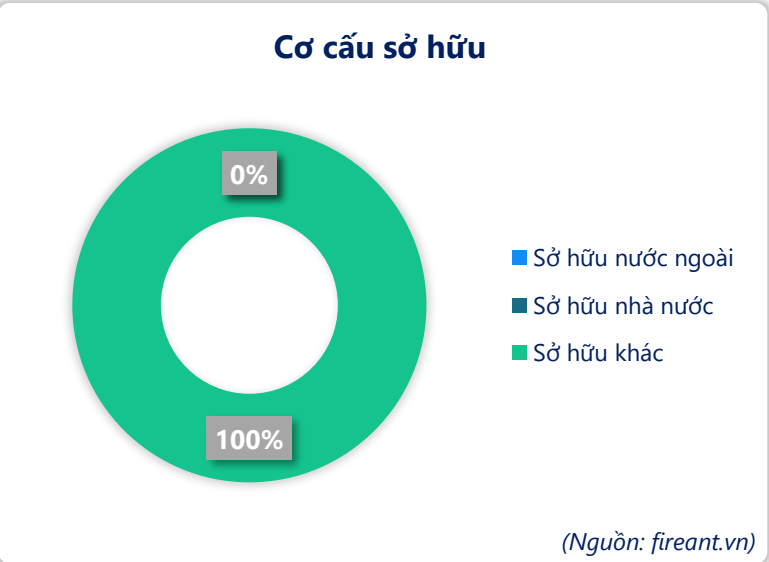
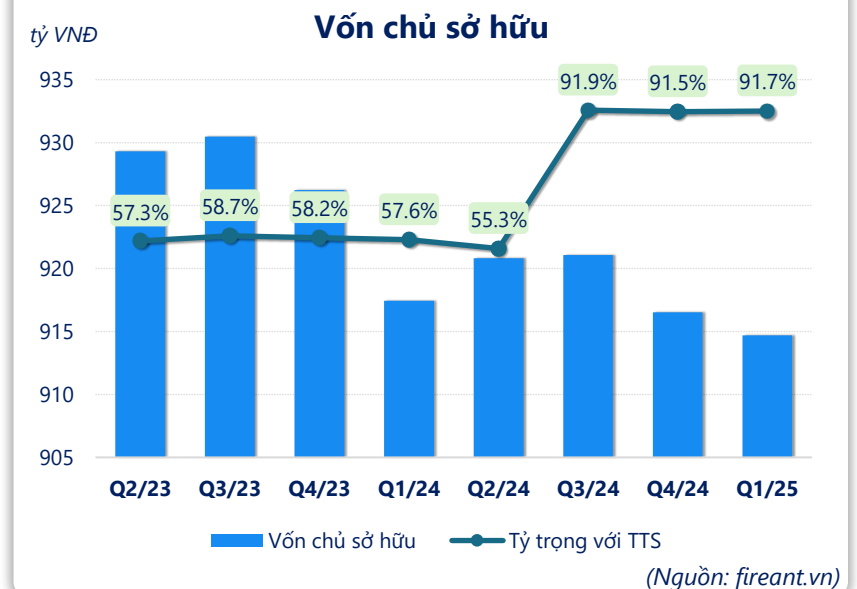
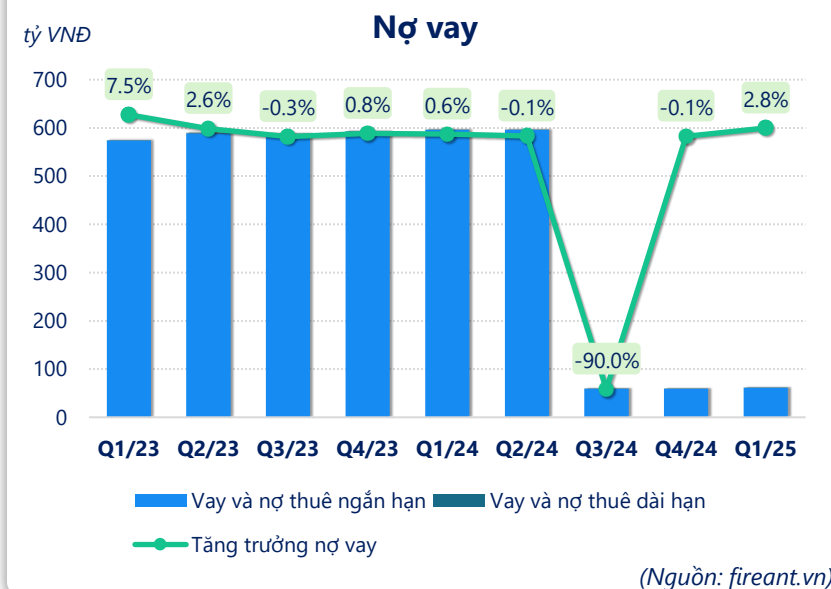
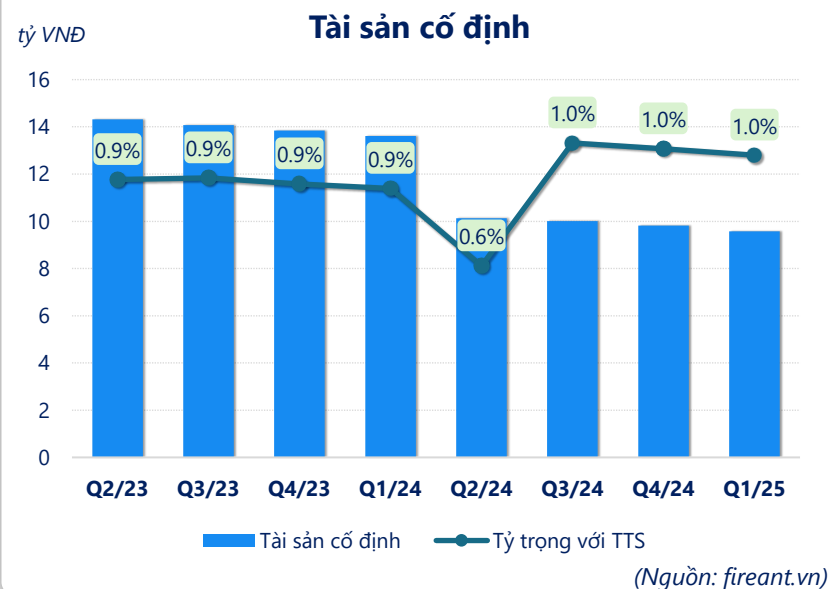
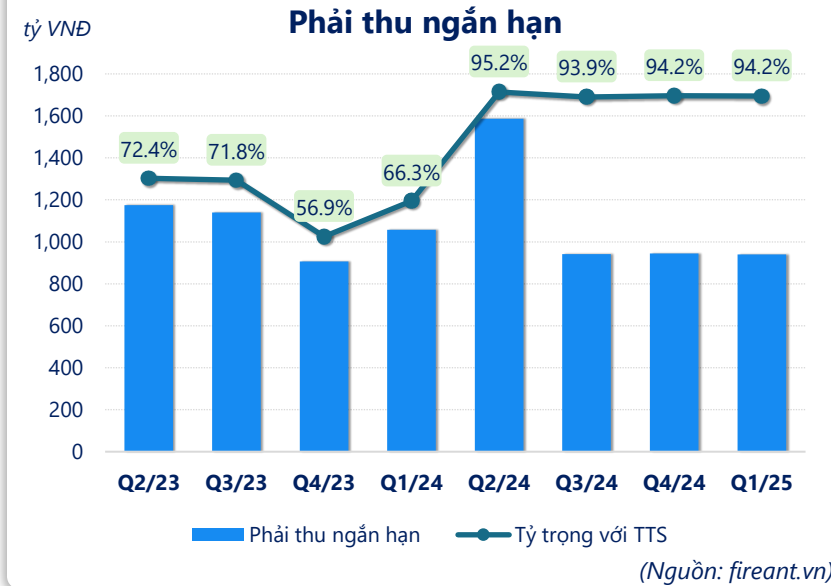
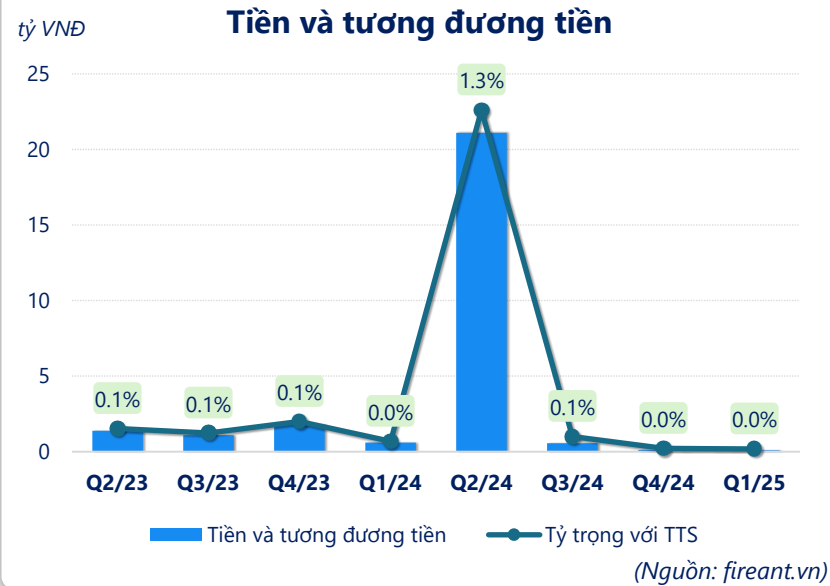
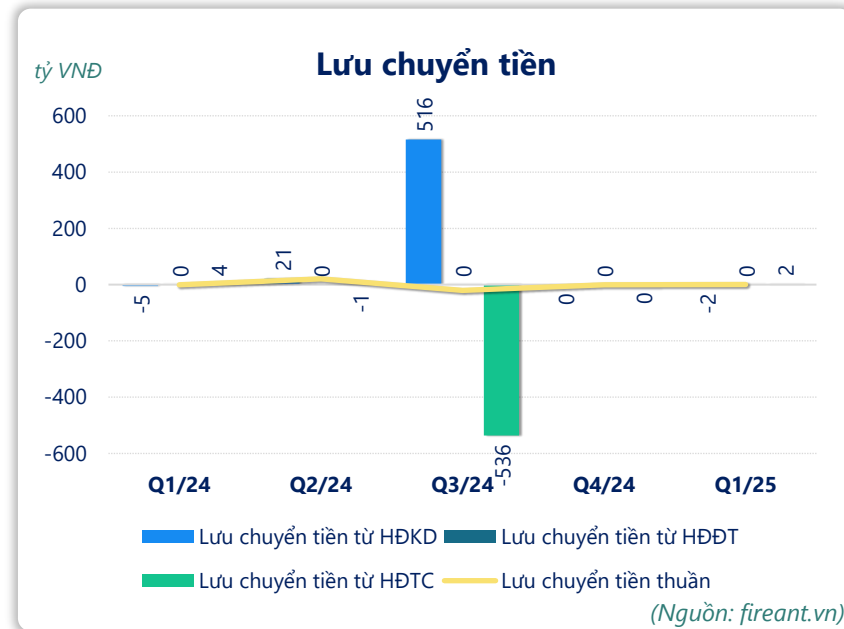
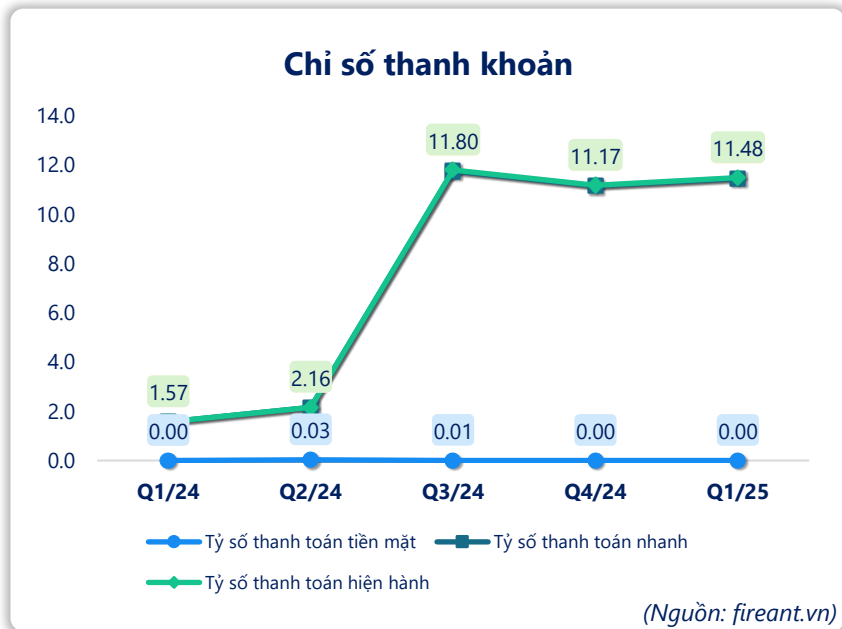
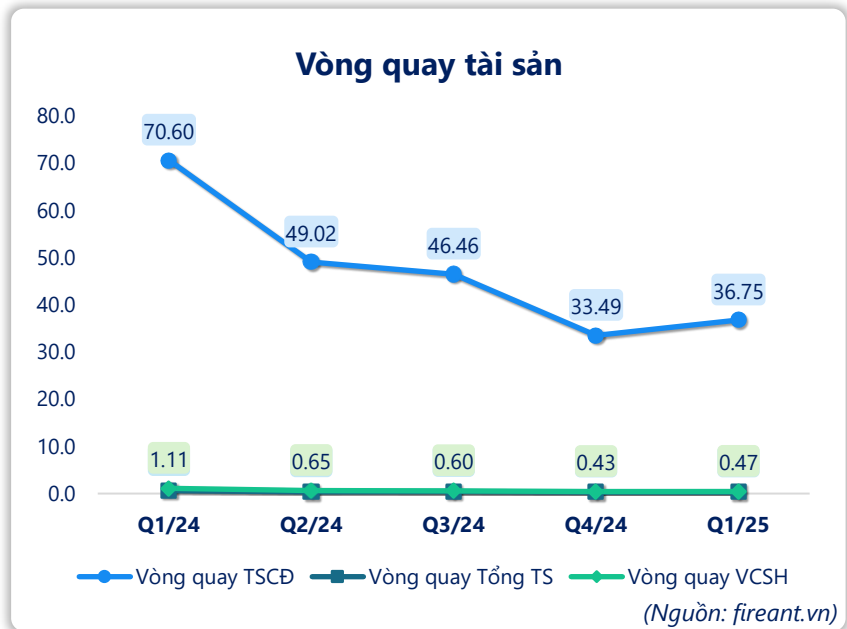
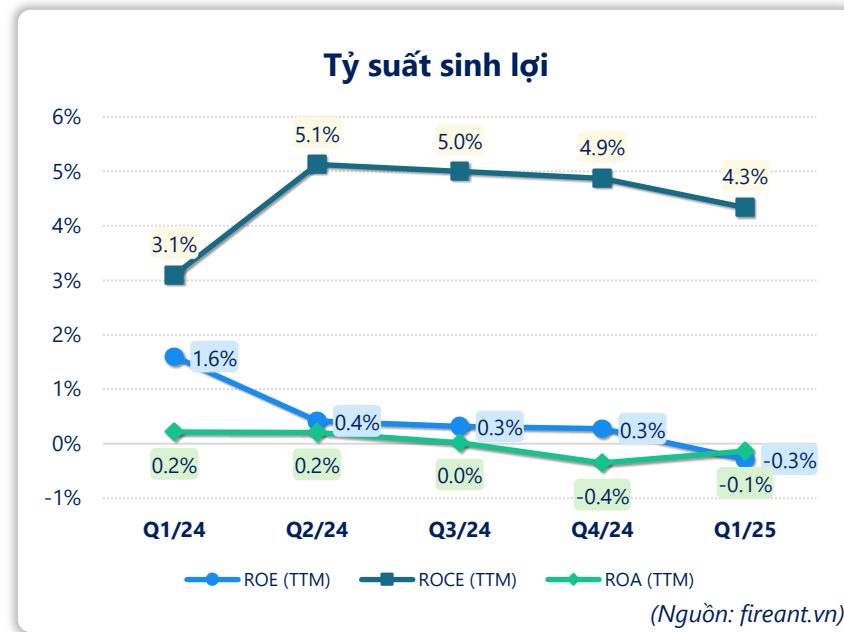
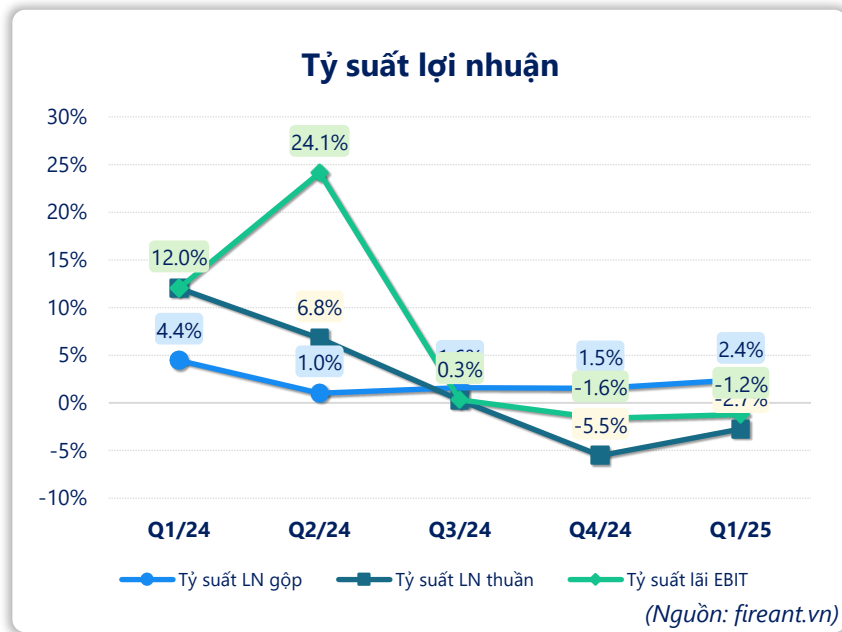
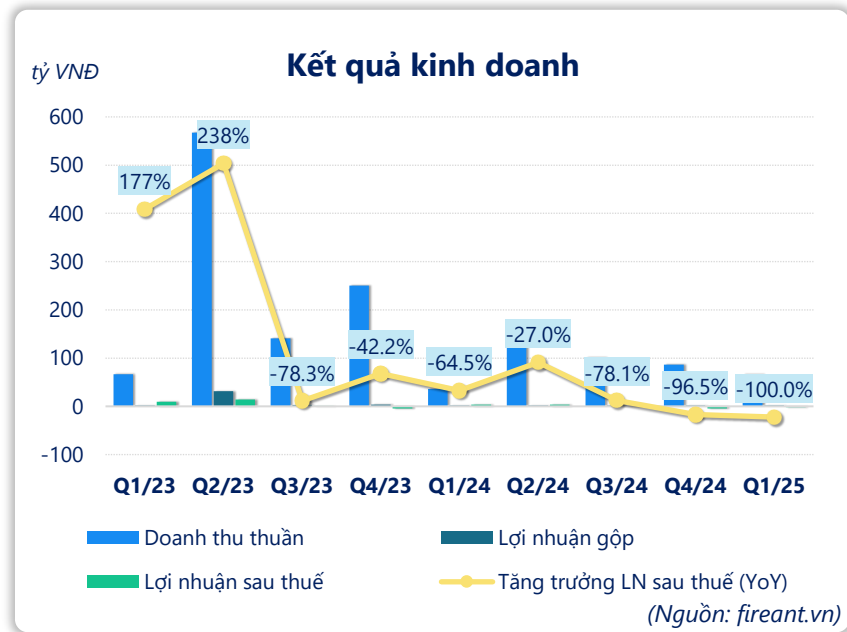


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,260
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
SL cổ phiếu LH		80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		213,270
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		341
P/E		-130.9
EPS		-33

	YTD	1T	3T	6T
ABS	-9.6%	-8.4%	-15.8%	-0.9%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	997	1,002	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	942	946	-0.4%
Tiền và tương đương tiền	0.10	0.12	-14.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	939	944	-0.5%
Hàng tồn kho	2.99	1.87	59.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.25	-37.3%
Tài sản dài hạn	55.0	55.2	-0.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.58	9.76	-1.8%
Bất động sản đầu tư	18.5	18.5	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	23.0	23.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.91	3.99	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	82.7	85.2	-2.9%
Nợ ngắn hạn	82.1	84.5	-2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	61.0	59.2	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.03	2.82	7.4%
Nợ dài hạn	0.64	0.70	-8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.34	0.40	-15.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	915	916	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	915	916	-0.2%
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	36.0	173	101	86.6	65.8
Giá vốn hàng bán	34.4	171	99.4	85.2	64.2
Lợi nhuận gộp	1.60	1.76	1.61	1.33	1.60
Doanh thu HĐTC	5.14	21.1	2.17	-0.01	0.01
Chi phí TC	15.4	16.9	1.11	3.01	0.89
Chi phí lãi vay	0	32.3	0	3.00	0.89
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.17	1.27	1.11	1.37	1.44
Chi phí QLDN	-14.2	-7.07	1.26	1.74	1.08
LN thuần từ HĐKD	4.32	11.7	0.30	-4.79	-1.80
Lợi nhuận khác	0.00	-2.37	0.03	0.38	0.10
LN trước thuế	4.33	9.33	0.32	-4.40	-1.70
Lợi nhuận sau thuế	3.46	3.39	0.26	-4.55	-1.70
LNST của CĐ cty mẹ	3.46	3.39	0.26	-4.55	-1.70

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.83	21.0	516	-0.43	-1.74
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.05	0.07	0.04	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.66	-0.52	-536	-0.06	1.65
Tiền đầu kỳ	1.78	1.06	21.1	0.57	0.12
Lưu chuyển tiền thuần	-1.17	20.5	-20.5	-0.45	-0.02
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.61	21.5	0.57	0.12	0.10

(Nguồn: fireant.vn)